TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** TỈNH LONG AN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/DS-ST
Ngày 13 - 3 - 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng góp hụi & Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Đổi
2. Ông La Văn Việt

***Thư ký phiên tòa*:** Nguyễn Thị Kim Thoa-Thư ký Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Mạnh Khang - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 807/2023/TLST- DS ngày 12 tháng 02 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi và Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 02 năm 2023, giữa:

1.*Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Kim Tr, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: 9/74 Ô 3 Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Bà Võ Thị Hồng L, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: 546/8B Ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

3.Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Trần Xuân D, sinh năm 1988. Địa chỉ: 546/8 Ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ô 3, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

4.2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ô 3, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt).

4.3. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1957. Địa chỉ: Ô 3, Khu A, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 11 năm 2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08 tháng 12 năm 2023 và các lời trình bày tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn bà Nguyễn Kim Tr trình bày:

Trong năm 2020, bà có làm thảo hụi bà L là hụi viên nên có tham gia các dây hụi, cụ thể như sau:

1/ Hụi mở ngày 10/02/2020, mỗi phần 3.000.000 đồng. Mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 19 phần, bà L tham gia một phần, bà L hốt lần đầu tiên, bà giao hụi ngày 10/4/2020. Bà L đóng được 7 kỳ, còn lại 12 kỳ không đóng x 3.000.000 đồng = 36.000.000 đồng. (chứng cứ là giấy giao hụi 3.000.000 đồng ngày 10/4/2020).

2/ Hụi mở ngày 10/3/2020, mỗi phần 3.000.000 đồng. Mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 20 phần, bà L tham gia một phần, bà L hốt đầu tiên, giao hụi vào ngày 10/4/2020, bà L đóng được 6 kỳ, còn lại 14 kỳ x 3.000.000 đồng = 42.000.000 đồng. (chứng cứ giấy hụi 3.000.000 đồng khui ngày 10/4/2020).

3/ Hụi mở ngày 10/01/2020, hụi có 05 dây, mỗi phần là 1.000.000 đồng. Mỗi tháng khui một lần, hụi gồm 19 phần/dây, bà L tham gia mỗi dây một phần, bà L hốt vào ngày 10/2/2020, bà L đóng được 8 kỳ, còn lại 11 kỳ x 5.000.000 đồng = 55.000.000 đồng. (chứng cứ là giấy hụi 1.000.000 đồng khui ngày 10/2/2020 và giấy giao hụi 01 triệu ngày 10/5/2020).

4/ Hụi tuần mở ngày 31/5/2020 có 10 dây, mỗi phần hụi 1.000.000 đồng. Mỗi dây có 23 phần, bà L tham gia mỗi dây một phần, bà L hốt vào ngày 21/6/2020, bà L đóng được 12 kỳ, còn lại 11 kỳ không đóng x 1.000.000 đồng = 110.000.000 đồng (giấy hụi 1.000.000 đồng khui ngày 21/6/2020 và giấy hụi ngày 31/5/2020).

5/ Hụi tuần mở ngày 09/8/2020, hụi 500.000 đồng/phần gồm 30 phần, bà L tham gia được mỗi dây một phần, hụi có 05 dây, bà L hốt vào ngày 16/8/2020, bà L đóng được 2 kỳ, còn lại 28 kỳ là 70.000.000 đồng. (giấy hụi 500.000 đồng khui ngày 16/8/2020).

6/ Hụi tuần mở ngày 02/8/2020, hụi 500.000 đồng/phần khui ngày 02/8/2020 gồm 27 phần, bà L tham gia mỗi dây một phần, hụi có 10 dây, bà L hốt vào ngày 09/8/2020, bà L đóng được 02 phần, còn lại 25 kỳ (giấy hụi 500.000 đồng/phần khui ngày 09/8/2020) với số tiền là 125.000.000 đồng.

Tổng cộng: 438.000.000 đồng.

Ngoài ra ngày 14/8/2020, bà Võ Thị Hồng L có thế chấp cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chồng bà L tên Trần Xuân D tại thửa đất số 115 tờ bản đồ 37 thuộc Ấp 2, xã An Thạnh, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để vay đỡ số tiền 230.000.000 đồng. Thời hạn vay là 10 ngày, bà L hẹn đến ngày 23/8/2020 sẽ trả lại tiền và chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên đến nay quá hạn mà bà L không trả.

Trong quá trình chơi hụi và vay tài sản nhưng bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, bà có đến nhà bà L nhiều lần đòi có gặp chồng bà L là ông D, ông D biết rõ việc này. Ông D có hứa sẽ bán đất sẽ trả tiền cho bà.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa giải quyết:

1/ Buộc ông D và bà L liên đới trả tiền hụi là 438.000.000 đồng không tính lãi.

2/ Buộc ông D và bà L liên đới trả tiền vay là 230.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo mức lãi 10%/năm từ ngày 24/8/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Võ Thị Hồng L trình bày: Bà xác nhận có tham gia các dây hụi và hốt hụi như bà Tr nêu nhưng hiện nay bà không còn thiếu nợ tiền hụi vì bà hốt xong đã đóng hết hụi chết (do tin tưởng bà Tr nên bà không kêu bà Tr ký xác nhận đã đóng hụi chết) nên bà không đồng ý trả tiền hụi, còn việc chơi hụi với bà Tr thì chồng bà không biết. Đối với tiền nợ bà có vay bà Tr là 230.000.000 đồng và có thế chấp bằng khoán đất do chồng bà đứng tên để mượn đở bà Tr 10 ngày nhưng vì bà kẹt tiền không có khả năng trả nay bà chỉ đồng ý trả vốn mỗi tháng từ 1.5000.000 đồng đến 3.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi. Bà mượn nợ bà Tr để bà mua quần áo, son phấn, ăn diện chứ không có tiêu xài chung trong gia đình. Do đó số tiền mượn một mình bà sẽ trả, chồng bà không liên đới.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Trần Xuân D trình bày: ông là chồng của bà L, bà L có chơi hụi với bà Tr ông có biết nhưng không rõ bao nhiêu dây hụi, số tiền hụi từng dây là bao nhiêu không rõ. Bà L chơi hụi không mang tiền về nhà, bà L chi tiêu vào việc riêng. Còn việc bà L có vay bà Tr 230.000.000 đồng có thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên, ông không biết. Bà L vay dùng vào việc riêng không đưa vào sinh hoạt gia đình. Khi bà Tr đến đòi nợ ông mới biết bà L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông vay tiền bà Tr. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên mà vợ ông đang thế chấp cho bà Tr, ông có yêu cầu bà Tr trả lại nhưng ông không nộp đơn.

Tại phần tranh luận bà Tr nêu: ngoài việc bà L nợ tiền hụi của bà, bà L còn làm thảo hụi thiếu nợ nhiều người không có khả năng trả từ tháng 8/2020

đến nay như bà Kh, bà Nh, bà M. Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà đang giữ của ông D bà tự nguyện giao nộp tại cơ quan Thi hành án trả lại cho ông D.

Các bà: Kh, M và Nh là người làm chứng xác định bà L làm thảo hụi các bà là hụi viên. Hụi các bà đã mãn từ tháng 8 năm 2020 đến nay nhưng bà L không giao. Cụ thể bà Kh hơn 600 triệu đồng, bà Nh hơn 200 triệu đồng, bà M hơn 100 triệu đồng. Bà L tại phiên tòa xác nhận có làm thảo hụi có chơi hụi với bà M, Nh và Kh là đúng nhưng chưa giao hụi cho các bà nói trên.

Bà L tranh luận với bà Tr là bà Tr phải chứng minh cho bà thấy việc bà Tr giao tiền hụi cho các hụi viên khác và chứng minh rằng bà còn thiếu tiền hụi chết chứ thật ra bà đã góp hụi chết xong.

Quan điểm kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Việc thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của tố tụng trong việc thu thập chứng cứ, xác minh. Toà án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ.

Về nội dung:

Xét việc tranh chấp hợp đồng góp hụi giữa bà Tr và bà L là có thật, bà L thống nhất các dây hụi bà đã tham gia chơi cùng bà Tr, bà Tr cho rằng bà L chưa đóng hụi chết từ tháng 8/2020 đến nay còn bà L cho rằng đã đóng xong nhưng không có giấy tờ gì chứng minh. Tại phiền Tòa có 03 người làm chứng chơi hụi với bà L làm thảo hụi khi hụi mãn vào tháng 8/2020 đến nay bà L không giao hụi. Đồng thời cũng trong tháng 8/2020 bà L thừa nhận có vay bà Tr 230.000.000 đồng tiêu xài nhưng không có tiền trả cho đến nay. Từ đó có căn cứ xác định bà L không có khả năng đóng hụi chết cho bà Tr là có thật. Về nghĩa vụ liên đới: chồng bà L là ông D biết rõ vợ chơi hụi với bà Tr và biết vợ vay tiền bà Tr. Do đó cần buộc bà L và ông D liên đới trả bà Tr là 438.000.000 đồng tiền hụi và 230.000.000 đồng tiền vay và lãi suất phát sinh theo mức lãi 10%/năm đối với tiền vay từ ngày chậm trả 24/8/2020 đến khi xét xử sơ thẩm.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Tr là trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Xuân D tại thửa đất số 115 tờ bản đồ 37 thuộc Ấp 2, xã A, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật cần giải quyết: xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Tr nêu trên, Hội đồng xét xử thấy quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án là: "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và vay tài sản*" vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà L và ông D có hộ khẩu thường trú tại Ấp S, thị trấn H, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An nên Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về tư cách tố tụng, thời hiệu và phạm vi giải quyết.

Bà Nguyễn Kim Tr người khởi kiện được xác định là nguyên đơn, bà Võ Thị Hồng L và ông Trần Xuân D là người bị kiện được xác định tư cách là bị đơn.

Thời hiệu khởi kiện: bà Nguyễn Kim Tr yêu cầu bà Võ Thị Hồng L trả tiền thuộc trường hợp yêu cầu bảo vệ quyền sở hữu nên đối chiếu theo quy định Điều 155 Bộ luật dân sự nên không tính thời hiệu khởi kiện; bà Nguyễn Kim Tr có quyền khởi kiện theo quy định Điều 186 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Chứng cứ, nghĩa vụ chứng minh và luật áp dụng.

Quá trình tố tụng: Bà Tr khởi kiện yêu cầu bà L, ông D trả 438.000.000 đồng tiền hụi và 230.000.000 đồng tiền vay.Về chứng cứ Tòa án đã thu thập được do bà Nguyễn Kim Tr cung cấp gồm có: các giấy giao hụi ngày 21/6/2020, ngày 10/02/2020, ngày 10/4/2020 (hai giấy), giấy vay nợ ngày 23/8/2020).

Tòa án xét xử trên cơ sở chứng cứ do người khởi kiện cung cấp và chứng cứ do Tòa án thu thập khi thấy cần thiết theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Về chứng cứ chứng minh cho lời trình bày các đương sự Tòa án đã thu thập đầy đủ.

Thời điểm phát sinh tranh chấp Bộ luật dân sự 2015 đang có hiệu lực pháp luật nên được áp dụng.

Tòa án lập biên bản về việc công khai chứng cứ, hòa giải và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tòa án xét xử trong phạm vi đương sự có yêu cầu.

[2].Về nội dung:

[2.1]. Tiền hụi: Bà Tr yêu cầu bà L và ông D trả số tiền 438.000.000 đồng tiền hụi. Đối với bà L thừa nhận toàn bộ các dây hụi bà có tham gia với bà Tr làm thảo và bà đã hốt hết như bà Tr trình bày nhưng bà cho rằng đã đóng hụi chết xong. Bà Tr cho rằng từ khi hốt hụi xong từ tháng 8/2020 đến nay bà L không đống hụi. Hội đồng xét xử thấy rằng: từ tháng 8/2020 đến nay ngoài việc bà L không đóng hụi chết cho bà Tr, bà L còn làm thảo hụi thiếu tiền hụi không giao cho Kh hơn 600 triệu đồng, bà Nh hơn 200 triệu đồng, bà M hơn 100 triệu đồng. Đồng thời ngày 14/8/2020 bà L còn mượn thêm tiền bà Tr 230.000.000

đồng không có khả năng thanh toán cho bà Tr. Hơn nữa, bà L không có chứng cứ gì chứng minh việc giao nhận tiền hụi chết với bà Tr. Do đó có căn cứ xác định bà L chưa đóng hụi chết với bà Tr.

[2.2].Tiền vay: bà Tr yêu cầu bà L trả 230.000.000 đồng tiền vay và đề nghị được tính lãi theo mức lãi 10%/năm từ ngày 24/8/2020 đến khi xét xử sơ thẩm. Bà L thống nhất có vay bà Tr là 230.000.000 đồng, bà có hứa ngày 23/8/2020 sẽ trả nhưng đến nay bà không có khả năng trả bà xin trả dần tiền gốc mỗi tháng từ 1.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng và không trả lãi. Hội đồng xét xử thấy rằng bà L vay tiền bà Tr 230.000.000 đồng hứa trong vòng 10 ngày trả nhưng không trả kéo dài cho đến nay làm ảnh hưởng quyền lợi của bà Tr nên cần buộc bà L trả một lần và phải chịu lãi 10%/năm là phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Lãi suất tính như sau: 230.000.000 đồng x 0,83% x 30 tháng 17 ngày = 58.351.767 đồng.

[2.3]. Đối với nghĩa vụ liên đới, ông D biết rõ việc bà L chơi hụi với bà Tr nhưng không rõ bao nhiêu phần và ông cho rằng bà L chơi hụi không phục vụ cho gia đình. Đối với việc bà Tr cho bà L vay tiền và bà L có thế chấp cho bà Tr giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên. Khi bà Tr đến nhà đòi ông có hứa bán đất trả nhưng ông cho rằng bà L sử dụng việc riêng nên ông không liên đới. Hội đồng xét xử thấy rằng: Ông D biết rõ việc bà L chơi hụi và mượn nợ bà Tr nhưng ông cho rằng bà L sử dụng tiền vào việc sinh hoạt riêng là không thỏa đáng. Ngoài ra ông D cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc ông cớ mất giấy chứng nhận quyền sử dụng trong khoảng thời gian bà L dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đứng tên thế chấp vay tiền. Đồng thời khi bà Tr đến đòi tiền ông có hứa bán đất trả. Do đó cần buộc ông D liên đới cùng bà L trả nợ vay và nợ hụi cho bà Tr.

[2.4]. Đối với bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông D đứng tên tại thửa đất số 115 tờ bản đồ 37 thuộc Ấp 2, xã A, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Ông D không có đơn khởi kiện yêu cầu đòi lại giấy chứng nhận bản chính. Tuy nhiên tại phiên tòa bà Tr đồng ý trả lại giấy đất bản chính khi bà nhận đủ tiền từ vợ chồng bà L. Hội đồng xét xử thấy rằng bà Tr không được Nhà nước cấp giấy phép nhận cầm cố giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bà nhận cầm giấy chứng nhận do ông D đứng tên là không đúng quy định. Tuy nhiên tại phiên tòa bà đồng ý trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[3].Về án phí, theo Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án bà L và ông D phải chịu án phí.

Vìcác lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 471, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim Tr về việc "*Tranh chấp hợp đồng góp hụi và hợp đồng vay tài sản*" với bà Võ Thị Hồng L và ông Trần Xuân D.

Buộc bà Võ Thị Hồng L và ông Trần Xuân D liên đới trả cho bà Nguyễn Kim Tr số tiền vay là 230.000.000 đồng tiền vốn gốc và 58.351.767 đồng tiền lãi.

Buộc bà Võ Thị Hồng L và ông Trần Xuân D liên đới trả cho bà Nguyễn Kim Tr tiền hụi là 438.000.000 đồng.

Tổng cộng các khoảng là: 230.000.000 đồng + 58.351.767 đồng + 438.000.000 đồng = 726.351.767 đồng (Bảy trăm hai mươi sáu triệu ba trăm năm mươi mốt ngày bảy trăm sáu mươi bảy đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tính lãi chậm thi hành.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kim Tr giao nộp lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 115 tờ bản đồ 37 thuộc Ấp 2, xã A, huyện Bến Lức, tỉnh Long An để trả cho ông Trần Xuân D.

3.Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Võ Thị Hồng L và ông Trần Xuân D liên đới phải chịu 33.054.070 đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước. Hoàn lại cho Nguyễn Kim Tr 17.844.000 đồng theo các biên lai số 0007481 ngày 08/12/2022 và biên lai số 0007474 ngày 08/12/2022 tại Chi cục thi hành án huyện Đức Hòa.

3. Án xét xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm vụ án.

4.Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND Tỉnh Long An;
-VKSND huyện Đức Hòa;
-Chi cục THA huyện Đức Hòa;
-Lưu.

Nguyễn Thị Mộng Thúy

Thành viên Hội đồng xét xử	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Trần Thị Đổi – Nguyễn Thị Rạt	**Nguyễn Thị Mộng Thúy**